

Bản án số: 16/2024/HSST
Ngày: 01 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh – Nghề nghiệp: Nguyên là bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Giồng Riềng.

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3 và ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2023/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXX – ST ngày 20 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Bé H, sinh ngày 01/01/2000; tại huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp 3A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T; có vợ tên Phạm Thị Ngọc N (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2019; Anh chị em ruột có 03 người lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/9/2023, đến ngày 11/9/2023 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Hồng Gia B, sinh ngày 22/3/2002; tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Hồng Quốc N và bà Bùi Thị Bé S; Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/9/2023, đến ngày 11/9/2023 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Nguyễn Thị Huyền D (tên gọi khác: N), sinh ngày 03/6/1999, tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: 74B Mê L, phường Tân L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Nơi tạm trú: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn H và bà Phạm

Thị S; Đã có chồng nhưng ly hôn; Có 01 người con sinh năm 2019; Anh chị em ruột có 02 người lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/9/2023, đến ngày 11/9/2023 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

4. Phan Văn M, sinh ngày 14/4/1997; tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp 9, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị X; Anh chị em ruột có 02 người lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền sự: không; Tiền án: có 01 tiền án vào ngày 25 tháng 3 năm 2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 01 năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; nhân thân: xấu; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/9/2023, đến ngày 16/9/2023 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

5. Phạm Văn S, sinh ngày 18/12/2006, tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp 3A, xã V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C và bà Lương Thị N; anh em ruột có 05 người lớn nhất sinh năm: 1993, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/9/2023, đến ngày 16/9/2023 chuyển sang tạm giam, đến ngày 11/11/2023 được áp dụng thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt.

* *Người bị hại:* Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng.

Địa chỉ: Khu phố Nội Ô, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật; Ông Cao Quốc Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm: 1975 - Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

- Anh Võ Công T, sinh năm: 1997; Hộ khẩu thường trú: khu phố 4, thị trấn C, huyện Cần Đước, tỉnh Long An; Nơi tạm trú: khu vực 3, phường 1, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Chị Nguyễn Huỳnh Thanh A, sinh năm: 1992; địa chỉ: khu vực 3, phường 1, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Anh Trần Minh T, sinh năm: 2003; địa chỉ: ấp 3, xã V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1966; địa chỉ: khu vực 4, phường 7, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1992; địa chỉ: khu vực 4, phường 7, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin vắng mặt).

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn S:* Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1966 và bà Lương Thị N, sinh năm: 1970 (cha mẹ ruột bị cáo); địa chỉ: ấp 3A, xã V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn M, bị cáo Phạm Văn S:* Ông Bùi Đức Độ - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt ngày 28/3/2024, vắng mặt ngày 01/4/2024)

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Huyền D:* Ông Nguyễn Thanh K – Là Luật sư của Văn phòng Luật Sư Quang Duy thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 15 phút, ngày 02 tháng 9 năm 2023, Công an huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang phối hợp với Công an các xã, thị trấn trong huyện tuần tra mật phục bắt các đối tượng trộm cắp tài sản (dây điện thuộc công trình đèn chiếu sáng công cộng dọc các tuyến đường) trên địa bàn huyện Giồng Riềng. Kết quả tạm giữ hình sự Nguyễn Bé H, Hồng Gia B, Nguyễn Thị Huyền D (N). Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét nơi ở của các đối tượng trên thu giữ 35 kg vỏ nhựa dây điện màu đen - trắng, 03 cây kìm và 03 xe mô tô các loại. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phan Văn M và Phạm Văn S. Kết quả điều tra xác định được như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 01 giờ 20 phút, ngày 29 tháng 7 năm 2023, Hồng Gia B chở Phạm Văn S bằng xe Sirius biển kiểm soát 95B1-502.89; Phan Văn M chở Nguyễn Bé H bằng xe Winner biển kiểm soát 95B1-760.39 đi từ nhà Bé H thuộc ấp 3A, xã V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang đến địa bàn huyện Giồng Riềng để trộm cắp dây điện. Khi đến đoạn đường gần bến phà Công Binh cũ thuộc ấp X, xã H, huyện Giồng Riềng thì dừng lại. Tại đây cả nhóm quan sát khi không có người qua lại, Bé H trèo lên trụ đèn, dùng kìm cắt trộm đoạn dây điện loại Dupled (DuCV) 2 x 11mm², dài 35m. S ở bên dưới cuộn bỏ vào bao để lên xe cho M chở, cả nhóm về nhà Bé H. Tại đây, Bé H, B, S, H (không rõ nhân thân) cùng nhau tách vỏ nhựa dây điện vừa trộm được để lấy lõi dây đồng. Sau đó, S, Bé H đem đi bán ở cơ sở thu mua phế liệu “Minh Quân” tại phường 3, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang được số tiền là 800.000 đồng. Số tiền này, cả nhóm có tên nêu trên sử dụng vào mục đích tiêu xài chung. Tài sản bị thiệt hại được định giá là 3.608.500 đồng (ba triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn, năm trăm đồng).

Vụ thứ 2: Vào khoảng 01 giờ 15 phút, ngày 02 tháng 8 năm 2023, bị cáo Hồng Gia B chở bị cáo Phạm Văn S bằng xe Sirius biển kiểm soát 95B1-502.89, đi từ nhà Bé H đến địa bàn huyện Giồng Riềng để trộm cắp dây điện. Khi đến đoạn đường vắng gần cầu Công Binh thuộc ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng thì dừng lại. Tại đây cả H quan sát khi không thấy người qua lại thì S trèo lên trụ đèn, dùng kìm cắt lấy đoạn dây điện loại Dupled (DuCV) 2 x 11mm², dài 35m; B ở bên dưới cuộn bỏ vào bao để lên xe, cả hai chở về nhà của Bé H. Tại đây, B, S cùng nhau tách vỏ nhựa dây điện vừa trộm được để lấy lõi dây đồng. Sau đó, B, S đem bán ở cơ sở

thu mua phế liệu “Minh Quân” được 740.000 đồng. Số tiền trên B và S chia nhau tiêu xài. Tài sản bị thiệt hại được định giá là 3.608.500 đồng (ba triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn, năm trăm đồng).

Vụ thứ 3: Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2023, bị cáo Hồng Gia B chở bị cáo Phạm Văn S bằng xe Sirius biển kiểm soát 95B1-502.89; bị cáo Phan Văn M chở bị cáo Nguyễn Bé H bằng xe Winner biển kiểm soát 95B1-760.39, đi từ nhà Bé H đến địa bàn huyện Giồng Riềng để trộm cắp dây điện. Khi đến đoạn đường vắng của tỉnh lộ 963, thuộc ấp H, xã N, huyện Giồng Riềng thì dừng lại. Tại đây cả nhóm quan sát khi không thấy người qua lại thì Bé H trèo lên trụ đèn, dùng kìm cắt trộm 02 đoạn dây điện loại Dupled 2 x 10mm², tiết diện dây 6:25mm, chiều dài 70m. S ở bên dưới cuộn bỏ vào bao để lên xe M. Sau đó, cả nhóm đem về nhà Bé H. Tại đây, Bé H, B, S, N (không rõ nhân thân), Huyện D và H (không rõ nhân thân) cùng nhau tách vỏ nhựa dây điện vừa trộm được để lấy lõi đồng. Sau đó, S, Nhí đem đến cơ sở thu mua phế liệu “Minh Quân” bán được số tiền là 1.500.000 đồng. Số tiền này cả nhóm trên cùng chia nhau tiêu xài chung. Tài sản bị thiệt hại được định giá là 3.472.700 đồng (ba triệu, bốn trăm bảy mươi H nghìn, bảy trăm đồng).

Vụ thứ 4: Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 8 năm 2023, bị cáo Phạm Văn S chở bị cáo Nguyễn Bé H bằng xe Sirius biển kiểm soát 95B1-502.89 đi từ nhà Bé H đến địa bàn huyện Giồng Riềng để trộm cắp dây điện. Khi đến đoạn đường vắng của tỉnh lộ 963 thuộc ấp H, xã N, huyện Giồng Riềng thì dừng lại. Cả H quan sát khi không có người qua lại, thì Bé H trèo lên trụ đèn dùng kìm cắt lấy đoạn dây điện loại Dupled (DuCV) 2 x 10mm², chiều dài 35m. S ở bên dưới cuộn bỏ vào bao để lên xe, cả H chở về nhà Bé H. Tại đây, Bé H, B, S cùng nhau tách vỏ nhựa dây điện vừa trộm được để lấy lõi đồng. Sau đó, Bé H, B đem đến cơ sở thu mua phế liệu “Minh Quân” bán được 800.000 đồng. Số tiền bán được chia cho B 100.000 đồng, S và Bé H chia đều số tiền còn lại mỗi người được 350.000 đồng. Tài sản bị thiệt hại được định giá là 3.253.250 đồng (ba triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Vụ thứ 5: Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 8 năm 2023, bị cáo Hồng Gia B điều khiển xe Sirius biển số 95B1-502.89 chở bị cáo Nguyễn Bé H; N (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) điều khiển xe Loncin, biển số 65F1-7206 chở bị cáo Phạm Văn S, đi từ nhà của Bé H đến địa bàn huyện Giồng Riềng tìm dây điện để cắt trộm. Khi đến đoạn đường vắng thuộc ấp Cái Đuốc L, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thì B, Bé H dừng lại quan sát, khi không có người qua lại thì Bé H trèo lên trụ đèn dùng kìm đã chuẩn bị sẵn cắt 02 đoạn dây điện, loại Dupled 2 x 11mm², chiều dài 70m. B bên dưới cuộn lại để lên xe rồi cả hai chạy đi. Trên đường đi thì gặp N, S cũng đã cắt được hai đoạn dây điện loại Dupled 2 x 11mm², chiều dài 70m. Tất cả dây điện được cả nhóm cho vào bao để B, Bé H mang đi cất giấu. N và S tiếp tục đi đến cầu kênh Lộ Mới thuộc ấp Cái Đuốc L, xã N thì cả hai dừng lại, tiếp tục cắt thêm 01 đoạn dây điện loại Dupled 2 x 11mm², chiều dài 20m. Sau đó, cả hai quay lại lấy số dây điện do B và Bé H đã cất giấu trước đó mang về nhà của Bé H. Còn lại B và Bé H đi đến đoạn đường vắng thuộc ấp N, xã N tiếp tục cắt trộm thêm hai đoạn dây điện loại Dupled 2 x

11mm², chiều dài 70m đem về sau. Tại nhà Bé H gồm: Bé H, B, S, N (không rõ nhân thân lai lịch) và D, H (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) dùng dao rọc giấy tách vỏ nhựa dây điện vừa lấy được để lấy lõi đồng bên trong. Sau đó, N và S đem đi bán tại cơ sở thu mua phế liệu “Minh Quân” được số tiền là 4.000.000 đồng. Số tiền bán được, Bé H chia cho B 200.000 đồng, còn lại Bé H, S, N chi xài chung. Tài sản bị thiệt hại được định giá là 23.586.500 đồng (Hai mươi ba triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Vụ thứ 6: Vào khoảng 00 giờ ngày 02 tháng 9 năm 2023, bị cáo Hồng Gia B điều khiển xe Sirius biển kiểm soát 95B1-502.89 chở bị cáo Phạm Văn S đi từ nhà Bé H đến địa bàn huyện Giồng Riềng để cắt trộm dây điện, thời điểm này Bé H biết rõ B và S đi trộm dây điện và đem về nhà Bé H để tách vỏ nhựa lấy lõi đồng để bán. Khi đến đoạn đường vắng thuộc ấp Cái Đuốc L, xã N, huyện Giồng Riềng, B dừng xe lại quan sát. Khi thấy không có người qua lại thì S trèo lên trụ đèn dùng kìm cắt trộm đoạn dây điện loại CaDiVi DuCV 2 x 10mm²-0,6Kv, chiều dài 70m, B bên dưới cuộn lại bỏ vào bao để lên xe chở về nhà của Bé H. Trên đường về, do bị lực lượng công an truy đuổi nên S vứt bỏ bao dây điện. Tài sản bị thiệt hại được định giá là 6.506.500 đồng (sáu triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm đồng).

Vật chứng trong vụ án thu giữ được bao gồm:

- 35 kg (ba mươi lăm kilogam) vỏ nhựa dây điện màu đen, trắng.
- 01 (một) cây kìm bằng kim loại màu trắng, dài 21cm, tay cầm ốp nhựa màu xanh, đen.
- 02 (H) cây kìm bằng kim loại màu đen, dài 16.5cm, tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen.
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius màu đỏ - đen, biển số 95B1-502.89, đã qua sử dụng.
- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Winner, màu xanh - đen, biển số 95B1-760.39, đã qua sử dụng.
- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu LONCIN, màu nâu, biển số 65F1-7206, không có bửng, không có cụm đèn trước, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 25/TDG-CT/HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Giồng Riềng xác định:

- 230m dây điện đôi (Dupled) 02 x 11mm² có giá là 23.586.500 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/TDG-CT/HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Giồng Riềng xác định:

- 70m dây điện đôi (Dupled) 02 x 10mm² tiết diện dây -6.25mm² có giá là 3.472.700 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/TDG-CT/HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Giồng Riềng xác định:

- 70m dây điện đôi loại CaDivi- Ducv 2 x 10mm² -0.6 KV, đoạn Cái Đuốc Nhỏ, xã Ngọc Chúc có giá là 6.506.500 đồng.

- 35m dây điện đôi loại Dupled 2 x 10mm² -0.6 KV, đoạn Hòa An B, xã Ngọc Hòa có giá là 3.253.250 đồng.

- 35m dây điện đôi loại Dupled 2 x 11mm² -0.6 KV, đoạn Xẻo Lùng, xã Hòa Thuận có giá là 3.608.500 đồng

- 35m dây điện đôi loại Dupled 2 x 11mm² -0.6 KV, đoạn Xẻo Lùng, xã Hòa Thuận có giá là 3.608.500 đồng

- 35m dây điện đôi loại Dupled 2 x 11mm² -0.6 KV, đoạn ấp Hòa Phú, xã Hòa Hưng có giá là 3.608.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại được định giá là 44.035.950 đồng (bốn mươi bốn triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi đồng)

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố các bị can về hành vi trộm cắp tài sản đối với Nguyễn Bé H, Hồng Gia B, Nguyễn Thị Huyền D, Phan Văn M và Phạm Văn S.

Tại bản cáo trạng số 02/KSĐT - KT ngày 18/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã truy tố các bị can Nguyễn Bé H, Hồng Gia B, Nguyễn Thị Huyền D, Phan Văn M và Phạm Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Bé H, Hồng Gia B, Nguyễn Thị Huyền D, Phan Văn M và Phạm Văn S về tội Trộm cắp tài sản. Đồng thời kiểm sát viên luận tội căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Bé H từ 18 đến 24 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hồng Gia B từ 18 đến 24 tháng tù

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn M từ 18 đến 24 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền D từ 06 đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 09 đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; đề nghị:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước phương tiện dùng để đi trộm cắp tài sản là: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius màu đỏ - đen, biển số 95B1-502.89, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu LONCIN, màu nâu, biển số 65F1-7206, không có bửng, không có cụm đèn trước, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 35 kg (ba mươi lăm kilogam) vỏ nhựa dây điện màu đen, trắng; 01 (một) cây kim bằng kim loại màu trắng, dài 21cm, tay cầm ốp nhựa màu

xanh, đen; 02 (H) cây kìm bằng kim loại màu đen, dài 16.5cm, tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen.

Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã trao trả 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Winner, màu xanh - đen, biển số 95B1-760.39, đã qua sử dụng cho bà Nguyễn Thị X là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng là bị hại có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổng giá trị tài sản bị thiệt hại với số tiền là 44.035.950 đồng. Đại diện gia đình các bị cáo đã nộp với số tiền là 11.000.000 đồng (quá trình điều tra và truy tố), còn lại số tiền 33.035.950 đồng, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường.

Riêng đối với N, H tham gia cùng với các bị cáo nhưng chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên chưa làm việc được, sẽ tiến hành củng cố hồ sơ đề nghị xử lý sau.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phan Văn M, bị cáo Phạm Văn S: Thống nhất với tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, mức hình phạt vì đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc bởi lẽ:

Các bị cáo thực hiện phạm tội đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ. Trong đó, bị cáo M tham gia vai trò giúp sức, tham gia hai lần, lần đầu không biết chờ các bị cáo khác để đi trộm cắp, đến khi thực hiện thì mới biết, xét về tính chất mức độ của hành vi phạm tội thì vai trò của bị cáo M là thấp nhất, không trực tiếp lấy tài sản, không tham gia tách vỏ lấy lõi dây đồng, không đem đi tiêu thụ và cũng không được chia tiền. Bản thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo, cha bị cáo bị bệnh ung thư. Khi sự việc xảy ra bị cáo cũng đã tác động mẹ bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền là 3.000.000 đồng mặc dù hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Đối với tình tiết tăng nặng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo được quy định tại điểm h Điều 52 của Bộ luật hình sự, rất mong Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt cho bị cáo vì việc bị cáo phạm tội và bị kết án là do vô ý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt mức hình phạt đối với bị cáo bằng với thời hạn tạm giam.

Đối với bị cáo Phạm Văn S, tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên nên về mặt thể chất và tinh thần chưa thực sự hoàn chỉnh như người trưởng thành, nên về nhận thức còn bị hạn chế. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn nhưng cũng đã cố gắng tạm nộp số tiền 1.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho phía bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là đủ đảm bảo tính răn đe.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị buộc các bị cáo cùng liên đới bồi thường số tiền còn lại là 33.035.950 đồng, tôi không thống nhất vì hậu quả do hành vi của từng bị cáo gây ra đến đâu thì xử lý hậu quả đến đó. Bị cáo M tham gia hai vụ với tổng thiệt hại là 7.081.200 đồng. Thiệt hại này còn có các bị

cáo còn lại cùng tham gia nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Trường hợp số tiền mà gia đình bị cáo bỏ ra để bồi thường vượt hơn mức bồi thường thì đề nghị xem xét giao trả lại vì hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Bản thân bị cáo cũng có ý kiến không đồng ý liên đới bồi thường toàn bộ số tiền trên.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Huyền D: Thống nhất tội danh, điều khoản Viện kiểm sát đề nghị. Khi quyết định hình phạt rất mong Hội đồng xét xử cân nhắc đối với bị cáo bởi bị cáo ly hôn chồng năm 2021 và người anh bị chết năm 2023, bản thân bị cáo buồn chán nên nghe lời rủ rê bỏ nhà vào đây tham gia với các bị cáo dẫn đến phạm tội. Bản thân bị cáo tham gia vai trò giúp sức, chỉ tham gia 02 lần và được B cho số tiền là 200.000 đồng. Lúc đầu, bị cáo tham gia nhưng không biết đó là tài sản do các bị cáo khác trộm được, đến lần thứ 02 thì xem như đã biết. Tại phiên Tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã hứa trước Tòa trở về quê làm lại cuộc đời chí thú làm ăn để nuôi con nhỏ vì hiện nay con đang sống với cha mẹ bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt cho bị cáo D bằng với thời gian tạm giam, tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên Tòa.

Bà Nguyễn Thị X: Tôi đã nhận lại xe, số tiền tôi nộp bồi thường thay cho con tôi là bị cáo Phan Văn M là 3.000.000 đồng nếu số tiền trên dư tôi yêu cầu nhận lại.

Lời nói sau cùng của các bị cáo H, B, D, M, S: xin xem xét giảm nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Bé H, Hồng Gia B, Nguyễn Thị Huyền D, Phạm Văn S và Phan Văn M do quen biết nhau từ trước và thường xuyên tới lui nhà của Bé H để chơi trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 7 năm 2023 đến ngày 02 tháng 9 năm 2023, các bị cáo cùng rủ nhau đi cắt dây điện thuộc công trình đèn chiếu sáng công cộng dọc các tuyến đường của các xã Ngọc Chúc, Ngọc Hòa, Hòa Hưng, Hòa Thuận trên địa bàn huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng. Các bị cáo đã thực hiện việc lấy cắp dây điện với tổng tài sản bị thiệt hại mà các bị cáo chiếm đoạt được định giá là 44.035.950 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo được thể hiện cụ thể như sau: Các bị cáo Nguyễn Bé H, Hồng Gia B và Phạm Văn S chuẩn bị kìm, trực tiếp cắt dây điện, tách vỏ nhựa để lấy lõi đồng và cùng đem đi tiêu thụ, chia tiền tiêu xài. Tổng các lần các bị cáo

thực hiện trong khoảng thời gian trên là 06 lần. Bị cáo M, bị cáo D không trực tiếp cùng với các bị cáo còn lại thực hiện hành vi cắt dây điện và đem đi tiêu thụ nhưng bị cáo M, D tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo M sử dụng xe để chở bị cáo H cùng với bị cáo B, S tổng số hai lần đi cắt dây điện vào các ngày 29/7/2023 tại đoạn đường ấp Xẻo Lùng, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng có giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.608.500 đồng và ngày 21/8/2023 tại đoạn đường ấp Hòa An B, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang với giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.472.700 đồng; mặc dù không được chia tiền nhưng bị cáo được bị cáo Bé H cho ăn uống. Riêng bị cáo D mặc dù biết được dây điện các bị cáo khác lấy về nhà Bé H là tài sản trộm được nhưng bị cáo không tố giác mà còn tham gia với các bị cáo còn lại qua hai lần tách vỏ nhựa lấy lõi đồng tại nhà bị cáo H vào các ngày 21/8/2023 và 31/8/2023, mỗi lần tham gia bị cáo được bị cáo B chia cho 100.000 đồng để tiêu xài và ăn uống chung.

Lời nhận tội trên của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và giá trị tài sản của từng lần các bị cáo thực hiện lấy trộm. Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự phân công bàn bạc cụ thể mà hành vi được thực hiện nhất thời tương ứng với từng lần thực hiện.

Tại thời điểm phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo Phạm Văn S chưa đủ 18 tuổi nên thời điểm thực hiện hành vi phạm tội nhận thức còn bị hạn chế. Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cơ quan tổ chức thuộc quyền quản lý của nhà nước, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương và gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo cũng nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm được mọi người tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Nhưng vì bản chất lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo Bé H, S, B trực tiếp lấy tài sản, đem đi tiêu thụ và chia tiền; Bị cáo M, D tham gia giúp sức cho các bị cáo còn lại trong việc lấy tài sản, tách lấy lõi dây đồng để đem bán.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa các bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo cũng tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại như: bị cáo B số tiền là 10.000.000 đồng, bị cáo D 5.000.000 đồng, bị cáo M 3.000.000 đồng, Bé H 1.000.000 đồng, S 1.000.000 đồng nên cần áp dụng thêm cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội từ hai trở lên nên cần thiết áp dụng cho các bị cáo tình tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo M đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên đây được xem là

tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và trợ giúp viên, luật sư bào chữa cho bị cáo S, M và bị cáo D là có cơ sở, Hội đồng xét xử xem xét tùy theo tính chất, mức độ của từng hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng cho các bị cáo một mức án phù hợp và tương xứng.

[3.3] Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Bé H, Hồng Gia B, Nguyễn Thị Huyền D, Phạm Văn S có nhân thân tốt. Riêng bị cáo M có một tiền án nên nhân thân xấu.

Các bị cáo Nguyễn Bé H, Hồng Gia B, Phạm Văn S tham gia 06 lần và trực tiếp lấy tài sản, chuẩn bị công cụ, tài sản lấy được đem về nhà Bé H để tách vỏ và đem đi tiêu thụ, chia tiền cho các đồng phạm, dùng tiền chiếm đoạt từ việc lấy trộm tài sản để tổ chức ăn uống nhậu nhẹt làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; trong đó, bị cáo Bé H giữ vai trò khởi xướng, thiệt hại các bị cáo gây ra được xác định là 44.035.950 đồng. Giá trị tài sản bị thiệt hại do các bị cáo gây ra tương đối lớn, bị cáo Bé H và S mặc dù có khắc phục tạm nộp số tiền 1.000.000 đồng nhưng số tiền này rất thấp so với thiệt hại các bị cáo gây ra. Bị cáo M và bị cáo D không trực tiếp lấy tài sản, giúp sức cho các bị cáo H, S, B, không được chia tiền và nếu có thì số tiền được chia rất ít. Do đó, khi xem xét quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo đã thực hiện.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định chủ yếu làm thuê, sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với các đối tượng Nhí, Hiệp cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với các bị cáo. Nhưng quá trình điều tra, truy tố không xác định nhân thân lai lịch của các đối tượng này nên đề nghị chưa xử lý. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Giồng Riềng củng cố hồ sơ xử lý các đối tượng trên sau. Tuy nhiên, tại phiên Tòa các bị cáo đã khai họ tên đầy đủ của các đối tượng trên là Quách Văn Nhí và Bùi Duy Hiệp; cư trú tại ấp 3A, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Tại phiên Tòa các bị cáo cũng xác định Nhí và Hiệp cùng tham gia lấy trộm tài sản với các bị cáo nhưng chưa được điều tra, xử lý. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng hình sự, kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng khởi tố vụ án hình sự đối với các đối tượng này.

Đối với cơ sở thu mua phế liệu “Minh Quân”, tại thời điểm bà A, ông T thu mua không biết được đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý hành chính là đủ nghiêm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng, yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị thiệt hại là 44.035.950 đồng và tại phiên Tòa các bị cáo cũng thống nhất bồi thường thiệt hại tương ứng với hành vi của từng bị cáo đã gây ra. Yêu cầu bồi thường trên của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng là có căn cứ. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát buộc các bị cáo cùng liên đới bồi thường là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử áp

dụng Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản tương ứng với các lần bị cáo thực hiện hành vi phạm tội;

Các bị cáo Nguyễn Bé H, Hồng Gia B, Phạm Văn S thực hiện 06 lần với tổng thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là 35.848.119 đồng nên buộc mỗi bị cáo bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng với số tiền là 11.949.373 đồng ($35.848.119 \text{ đồng} : 3 = 11.949.373 \text{ đồng}$); cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Bé H bồi thường số tiền là 11.949.373 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng theo biên lai thu tiền số 0006980 ngày 15/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Còn lại số tiền 10.949.373 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Bé H tiếp tục bồi thường.

Bị cáo Hồng Gia B bồi thường số tiền là 11.949.373 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006970 ngày 24/11/2023 và số tiền 9.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006997 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Còn lại số tiền 1.949.373 đồng, buộc bị cáo Hồng Gia B tiếp tục bồi thường.

Riêng đối với bị cáo S do chưa thành niên nên người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Phạm Văn C và bà Lương Thị N có trách nhiệm liên đới bồi thường cùng với bị cáo. Buộc bị cáo Phạm Văn S và người đại diện hợp pháp của Phạm Văn S là ông Phạm Văn C và bà Lương Thị N liên đới bồi thường với số tiền là 11.949.373 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006965 ngày 23/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Còn lại số tiền 10.949.373 đồng, buộc ông C- bà N và bị cáo S tiếp tục bồi thường.

Bị cáo Nguyễn Thị Huyền D bồi thường với số tiền là 6.764.800 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006971 ngày 24/11/2023. Còn lại số tiền 1.764.800 đồng buộc bị cáo D tiếp tục bồi thường.

Buộc bị cáo Phan Văn M bồi thường với số tiền 1.596.665 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006995 ngày 18/3/2024 và 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006957 ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền đã nộp thay cho Phan Văn M còn dư là 1.583.760 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; tuyên:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội là: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius màu đỏ - đen, biển số 95B1-502.89, đã qua sử dụng của Hồng Gia B (bà Nguyễn Thị C còn đứng tên chủ sở hữu nhưng xác định đã sang bán nhưng chưa làm thủ tục sang tên).

Tịch thu tiêu hủy 35 kg (ba mươi lăm kilogam) vỏ nhựa dây điện màu đen, trắng; 01 (một) cây kim bằng kim loại màu trắng, dài 21cm, tay cầm ốp nhựa màu xanh, đen; 02 (hai) cây kim bằng kim loại màu đen, dài 16,5cm, tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen.

Đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Winner, màu xanh - đen, biển số 95B1-760.39, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị X đã được Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Giồng Riềng trao trả và tại phiên tòa bà Xem cũng xác định đã nhận lại chiếc xe trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu LONCIN, màu nâu, biển số 65F1-7206, không có bùng, không có cụm đèn trước, đã qua sử dụng được thu giữ tại nhà Bé H. Tại phiên Tòa, bị cáo Bé H xác định chiếc xe này của đối tượng tên N nhưng chưa được xử lý và điều tra làm rõ nên Hội đồng xét xử không xử lý trong vụ án này và đề nghị xử lý vật chứng này khi đã khởi tố vụ án hình sự đối với N.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Bé H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với tài sản buộc các bị cáo bồi thường là $10.949.373 \text{ đồng} \times 5\% = 547.468 \text{ đồng}$, làm tròn là 547.000 đồng.

Buộc bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 1.591.166 đồng là 300.000 đồng.

Buộc bị cáo Hồng Gia B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 1.949.373 đồng là 300.000 đồng.

Buộc bị cáo Phạm Văn S và người đại diện hợp pháp của bị cáo S ông Phạm Văn Cận và bà Lương Thị Nhân phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $10.949.373 \text{ đồng} \times 5\% = 547.468 \text{ đồng}$ làm tròn là 547.000 đồng.

Đối với bị cáo Phan Văn M thuộc diện hộ nghèo nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bị cáo M thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí hình sự và án phí dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bé H, Hồng Gia B, Phạm Văn S, Phan Văn M, Nguyễn Thị Huyền D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Bé H 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02 tháng 9 năm 2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồng Gia B 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02 tháng 9 năm 2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 11 tháng 11 năm 2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn M 10 (mười)

tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2023

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền D 06 (sáu) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù. Tuyên trả tự do cho bị D tại phiên Tòa.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Bé H, Hồng Gia B, Nguyễn Thị Huyền D, Phan Văn M và Phạm Văn S.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius màu đỏ - đen, biển số 95B1-502.89, đã qua sử dụng được xác định Hồng Gia B mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên (hiện do Nguyễn Thị Chính đứng tên sở hữu);

Tịch thu tiêu hủy 35 kg (ba mươi lăm kilogam) vỏ nhựa dây điện màu đen, trắng; 01 (một) cây kim bằng kim loại màu trắng, dài 21cm, tay cầm ốp nhựa màu xanh, đen; 02 (H) cây kim bằng kim loại màu đen, dài 16.5cm, tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen.

Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu LONCIN, màu nâu, biển số 65F1-7206, không có bình, không có cụm đèn trước, đã qua sử dụng được xác định chủ sở hữu là Trần Hữu P, được thu giữ tại nhà của bị cáo H. Tại phiên Tòa, bị cáo H xác định chiếc xe này của đối tượng tên N, nhưng N chưa được xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý vật chứng đối với chiếc xe này trong cùng vụ án và kiến nghị xử lý vật chứng này khi đã khởi tố vụ án hình sự đối với N.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng;

Bị cáo Nguyễn Bé H bồi thường với số tiền là 11.949.373 đồng (mười một triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0006980 ngày 15/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Còn lại số tiền 10.949.373 đồng (mười triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng) buộc bị cáo Nguyễn Bé H tiếp tục bồi thường.

Bị cáo Hồng Gia B bồi thường với số tiền là 11.949.373 đồng (mười một triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0006970 ngày 24/11/2023 và số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0006997 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Còn lại số tiền 1.949.373 đồng (một triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng), buộc bị cáo Hồng Gia B tiếp tục bồi thường.

Bị cáo Nguyễn Thị Huyền D bồi thường với số tiền là 6.764.800 đồng (sáu triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0006971 ngày

24/11/2023. Còn lại số tiền 1.764.800 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm đồng) buộc bị cáo D tiếp tục bồi thường.

Bị cáo Phan Văn M bồi thường với số tiền 1.416.240 đồng (một triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, H trăm bốn mươi đồng) nhưng khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (H triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0006995 ngày 18/3/2024 và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0006957 ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Xem số tiền đã nộp thay cho Phan Văn M còn dư là 1.583.760 đồng (một triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

Bị cáo Phạm Văn S và người đại diện hợp pháp của bị cáo S, ông Phạm Văn Cận và bà Lương Thị Nhân liên đới bồi thường thiệt hại tài sản cho Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng với số tiền là 11.949.373 đồng (mười một triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006965 ngày 23/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Còn lại số tiền 10.949.373 đồng (mười triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng) buộc ông Cận- bà Nhân và bị cáo S tiếp tục bồi thường.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Bé H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 547.000 đồng (năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Buộc bị cáo Hồng Gia B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Huyền D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Buộc cáo Phạm Văn S và người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn S, ông Phạm Văn Cận và bà Lương Thị Nhân phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 547.000 đồng (năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Bị cáo Phan Văn M thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo S, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; những người có mặt được tính kể từ kể từ ngày tuyên án (01/4/2024), những người vắng mặt được tính từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Nhà tạm giữ CA huyện GR;
- Cơ quan CS điều tra;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- UBND xã;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương